**GỢI Ý BÀI LÀM**

**I.** **ĐỌC HIỂU:**

**Câu 1.**

1. Phong cách ngôn ngữ của đoạn văn bản trên: phong cách chính luận.
2. Phương thức biểu đạt chủ yếu được sử dụng trong đoạn văn bản trên: phương thức nghị luận.
3. Thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn văn bản trên: thao tác bình luận.
4. Theo tác giả bài viết, vai trò của thiên nhiên đối với đời sống con người là:

Thiên nhiên cung cấp nước, ánh sáng, không khí, thức ăn... cho con người.

Thiên nhiên cung cấp những điều kiện cần thiết đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội như các nguyên vật liệu, tài nguyên khoáng sản.

**Câu 2.**

1. Mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên là:

Một mặt, con người phụ thuộc vào tự nhiên khi những điều kiện cần thiết đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội như các nguyên vật liệu, tài nguyên khoáng sản đều do thiên nhiên cung cấp.

Mặt khác, con người có khả năng cải tạo tự nhiên và đồng thời giữ vị trí chủ động trong mối quan hệ với tự nhiên khi có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến tự nhiên.

1. Trong đoạn văn bản trên, tác giả đã cảnh báo về những tác động tiêu cực sau của con người đối với thiên nhiên:

Biến thiên nhiên thành bãi chứa chất thải khổng lồ của xã hội.

Vô tình hay cố ý phá hủy một lĩnh vực nào đó của tự nhiên, khiến cơ may phục sinh nó là cực kỳ nhỏ bé ngay cả khi con người thật sự muốn phục hồi nó.

1. Vấn đề *“lệch cán cân sinh thái giữa con người với thiên nhiên”* được hiểu là: Con người hoàn toàn thống trị tự nhiên, làm thay đổi tiêu cực tự nhiên, phá hủy một lĩnh vực nào đó của tự nhiên, khiến cơ may phục sinh nó là cực kỳ nhỏ bé ngay cả khi con người thật sự muốn phục hồi nó.
2. Theo tác giả bài viết, mối quan hệ lí tưởng giữa con người với thiên nhiên là:

Đảm bảo sự cân bằng khi việc phát triển của xã hội loài người vẫn không làm tổn hại đến giới tự nhiên.

Mọi tác động của con người đối với tự nhiên đều phải làm giàu cho tự nhiên, theo hướng con người hài hòa với tự nhiên.

**Câu 3.**

1. Nguyên nhân tác giả bài viết cho rằng thế giới tự nhiên *“không nên là bãi chứa chất thải khổng lồ của xã hội”*:

Đó là hành động hủy diệt thế giới tự nhiên, tác động tiêu cực đến tự nhiên, khiến cơ may phục sinh một lĩnh vực tự nhiên nào đó bị phá hủy là cực kỳ nhỏ bé ngay cả khi con người thật sự muốn phục hồi nó.

Biến tự nhiên thành bãi chứa chất thải khổng lồ chứng tỏ ý thức của con người quá kém, ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển của xã hội, hủy diệt luôn cả môi trường sống, khiến cuộc sống con người bị đe dọa nghiêm trọng.

1. Nội dung của văn bản:

Qua một số dẫn chứng cụ thể (cung cấp nước, ánh sáng, không khí, thức ăn... và những điều kiện cần thiết đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội như các nguyên vật liệu, tài nguyên khoáng sản), tác giả đã **nêu ý kiến** khẳng định vai trò quan trọng của thiên nhiên đối với đời sống con người cũng như mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên (một mặt con người phụ thuộc vào tự nhiên, mặt khác con người có khả năng cải tạo tự nhiên và đồng thời giữ vị trí chủ động trong mối quan hệ với tự nhiên).

Từ đó, tác giả cũng **cảnh báo** những tác động tiêu cực sau của con người đối với thiên nhiên (biến thiên nhiên thành bãi chứa chất thải khổng lồ của xã hội, vô tình hay cố ý phá hủy một lĩnh vực nào đó của tự nhiên, khiến cơ may phục sinh nó là cực kỳ nhỏ bé ngay cả khi con người thật sự muốn phục hồi nó) có thể làm lệch cán cân sinh thái giữa con người với thiên nhiên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tồn tại của xã hội.

1. Tình cảm, thái độ của người viết thể hiện trong đoạn văn bản trên:

Qua văn bản, tác giả không chỉ **khẳng định** vai trò quan trọng của thiên nhiên đối với đời sống con người (cung cấp nước, ánh sáng, không khí, thức ăn... và những điều kiện cần thiết đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội như các nguyên vật liệu, tài nguyên khoáng sản) mà còn **đề cao** vai trò của con người trong mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên (một mặt con người phụ thuộc vào tự nhiên, mặt khác con người có khả năng cải tạo tự nhiên và đồng thời giữ vị trí chủ động trong mối quan hệ với tự nhiên).

Bên cạnh đó, tác giả cũng cảnh báo những tác động tiêu cực sau của con người đối với thiên nhiên (biến thiên nhiên thành bãi chứa chất thải khổng lồ của xã hội, vô tình hay cố ý phá hủy một lĩnh vực nào đó của tự nhiên, khiến cơ may phục sinh nó là cực kỳ nhỏ bé ngay cả khi con người thật sự muốn phục hồi nó) có thể làm lệch cán cân sinh thái giữa con người với thiên nhiên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tồn tại của xã hội.

**Câu 4.**

1. Thông điệp bản thân rút ra từ đoạn văn bản trên:

Mọi quốc gia đều cần chú ý đến vấn đề phát triển bền vững: đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường, tránh phát triển quá mức dẫn đến việc phá hủy tự nhiên, gây ảnh hưởng đến môi trường sống.

Bảo vệ tự nhiên, bảo vệ môi trường vừa là vấn đề mang tính toàn cầu vừa là trách nhiệm của từng cá nhân, nhất là thế hệ trẻ, những người chủ tương lai của xã hội.

1. Quan điểm: *“một khi bàn tay của con người hiện đại đã vô tình hay cố ý phá hủy một lĩnh vực nào đó của tự nhiên, thì ở đó cơ may phục sinh nó là cực kỳ nhỏ bé ngay cả khi con người thật sự muốn phục hồi nó.”* là rất chính xác.

Nguyên nhân:

Bao giờ việc hủy diệt, tàn phá cũng dễ dàng hơn rất nhiều so với việc phục hồi, bảo tồn.

Hơn thế, số lượng người kém ý thức đối với tự nhiên bao giờ cũng lớn hơn gấp nhiều lần số người làm công tác phục hồi, bảo tồn tự nhiên.

Sự phát triển của khoa học công nghệ, sự bùng nổ dân số theo thời gian sẽ khiến nhu cầu khai thác tự nhiên cao hơn, tác động tiêu cực của con người đối với thiên nhiên cũng dữ dội hơn, để lại những hậu quả vô cùng nặng nề khó có thể khắc phục.

**II.** **LÀM VĂN (7.0 điểm)**

**Câu 1: *(2 điểm)* Những việc cần làm để duy trì mối quan hệ lí tưởng giữa con người với thiên nhiên.**

Việc duy trì mối quan hệ lí tưởng giữa con người với thiên nhiên rất quan trọng, đòi hỏi mỗi cá nhân không chỉ hiểu rõ về tầm quan trọng của nó mà còn phải định hướng được những việc cần thực hiện để đạt được hiệu quả tốt nhất. ***Đầu tiên***, ***vấn đề khai thác thiên nhiên phải có kế hoạch và có mục đích rõ ràng.*** Không thể vì phát triển kinh tế, sự bùng nổ dân số theo thời gian mà khai thác thiên nhiên vô tội vạ. ***Tiếp đến, vấn đề phát triển bền vững phải được đặt ra trong mọi việc***, từ xây dựng nền kinh tế đến đẩy mạnh du lịch, sao cho mục tiêu phát triển vẫn hoàn thành bên cạnh việc bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chẳng hạn việc xây đập thủy điện, hình thành hải cảng lớn, mở những khu du lịch sinh thái đều phải chú ý đến việc không tác động quá nhiều khiến tự nhiên thay đổi hoặc bị hủy diệt khó thể phục hồi. ***Hơn hết, việc đưa nội dung bảo vệ môi trường vào giảng dạy chính thức là vô cùng quan trọng.*** Một khi được nâng cao hiểu biết về tự nhiên, ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ sẽ có những bước chuyển tích cực tương ứng. Và chính họ sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo mối quan hệ lí tưởng giữa con người với thiên nhiên. Không phải vô tình mà [**Mahatma Gandhi**](http://www.tudiendanhngon.vn/tabid/88/itemid/4719/search/mahatma-gandhi/default.aspx)**,** nhà hoạt động chính trị người Ấn Độ, đã nói: *“Tương lai phụ thuộc vào điều chúng ta làm trong hiện tại.”* Hoàn thành được những điều trên quả thật không dễ dàng, thế nhưng việc nỗ lực thực hiện sẽ góp phần giúp xã hội phát tiến bộ cũng như mỗi cá nhân hoàn thiện nhân cách cho bản thân.

**Câu 2: *(5 điểm)***

**LƯU Ý:**

* **Cấu trúc thân bài chỉ còn 4 ĐOẠN: Khái quát – Phân tích luận điểm 1 – Phân tích luận điểm 2 – Làm rõ vấn đề (tích hợp luôn Sơ kết)**
* **Chữ tô màu nâu: Vấn đề cần làm rõ**
* **Chữ tô màu đỏ: Từ khóa**
* **Chữ tô màu tím: Câu kết nối**

**Đề 1:**

**Khi sông Hương chảy trôi ở ngoại vi thành phố Huế, tác giả đã ngợi ca sự lung linh đa sắc và *“vẻ đẹp trầm mặc”* của con sông.**

**Ở đoạn sau của chặng thủy trình, tác giả lại cảm nhận con sông *“vui tươi hẳn lên”* khi vào thành phố Huế.**

**Phân tích vẻ đẹp của sông Hương qua hai nội dung trên, từ đó làm rõ những phát hiện tinh tế của tác giả khi miêu tả đối tượng.**

**Bài làm**

PGS. Phan Huy Dũng từng nhận xét: *“Nếu biết cất lên tiếng người, hẳn sông Hương sẽ nói rằng nó đã thực sự yên tâm khi chọn trang viết của Hoàng Phủ Ngọc Tường để hóa thân. Có lẽ chính nhà văn cũng nhận thấy, cũng hiểu niềm tin cậy đó, nên từng câu văn của ông bay bổng, diễm ảo lạ thường.”* Ý kiến trên quả là một đánh giá tinh tường về Hoàng Phủ Ngọc Tường, một tác giả uyên bác, tài hoa, say mê cái đẹp, tha thiết với nguồn cội và nặng lòng yêu mến đất nước quê hương. Ra đời tại Huế vào đầu năm 1981, trích trong tập sách cùng tên, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* đã ghi những dấu ấn sâu sắc trong văn học nước nhà. Đặc biệt, hai hình ảnh sông Hương trong *“vẻ đẹp trầm mặc”* và những chuyển biến của dòng sông khi vào Huế không chỉ thể hiện được giá trị đặc sắc của tác phẩm mà còn góp phần làm rõ những phát hiện tinh tế của tác giả khi miêu tả đối tượng.

Sau những trang văn, ta cảm nhận được tình yêu tha thiết và niềm tự hào lớn lao của tác giả đối với dòng sông quê hương, với xứ Huế thân thương. Những điều này càng được thể hiện rõ nét hình ảnh sông Hương ở ngoại vi thành phố với vẻ đẹp trầm mặc và những chuyển biến khi chảy trôi trong Huế. Nương theo thủy trình của sông Hương, bài kí đã thể hiện **những phát hiện, khám phá sâu sắc và độc đáo** về con sông này. Có thể thấy **mối quan hệ đặc biệt với Huế**, **vẻ đẹp mang đậm dấu ấn bản sắc văn hóa Huế** đã làm nổi bật được **nét tinh tế trong nội dung đã nêu**.

**Trước hết, phát hiện tinh tế của tác giả khi miêu tả đối tượng được thể hiện qua sự lung linh đa sắc và *“vẻ đẹp trầm mặc”* của con sông khi chảy trôi ở ngoại vi thành phố Huế.** Trong cái nhìn tinh tế và lãng mạn của tác giả, toàn bộ thủy trình của dòng sông tự như một cuộc tìm kiếm có ý thức người tình nhân đích thực của người con gái trong một câu chuyện tình yêu nhuốm màu cổ tích. Giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại, sông Hương là *“người gái đẹp nằm ngủ mơ màng”*, nhưng ngay sau khi ra khỏi vùng núi, cũng như nàng tiên được đánh thức, sông Hương bỗng bừng lên sức trẻ và niềm khao khát của tuổi thanh xuân trong sự *“chuyển dòng liên tục”*, rồi *“vòng giữa những khúc quanh đột ngột”* uốn mình mềm mại qua nhiều địa danh: ngã ba Tuần, Hòn Chén, Ngọc Trản, Nguyệt Biều, Lương Quán rồi ôm lấy chân đồi Thiên Mụ. Trong những khúc quanh uốn lượn ấy, dòng sông thật mềm mại, duyên dáng với những màu sắc dịu dàng, tươi trẻ. Phải chăng, sông Hương đang ngủ mơ màng ở cánh đồng Châu Hóa đợi chờ thành phố tương lai, thành phố Huế đánh thức? Và cuộc gặp gỡ giữa sông Hương và thành phố duy nhất ấy đẹp như một mối tình ấp ủ hàng ngàn năm vậy. Vừa mạnh mẽ vừa dịu dàng, sông Hương có lúc *“mềm như tấm lụa”* khi qua Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo; có khi ánh lên *“những phản quang nhiều màu sắc sớm xanh, trưa vàng, chiều tím”* lúc qua những dãy đồi núi phía tây nam thành phố; mang *“vẻ đẹp trầm mặc”* khi qua bao lăng tẩm, đền đài mang niềm kiêu hãnh âm u được phong kín trong những rừng thông cho đến lúc bừng lên tươi tắn và trẻ trung khi gặp *“tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà”* trong thanh bình, yên ả. **Quả thật, vẻ đẹpcủa con sông khi chảy trôi ở ngoại vi thành phố Huế đã góp phần làm rõ phát hiện tinh tế của tác giả khi miêu tả đối tượng**

**Bên cạnh đó, có thể thấy những phát hiện tinh tế của tác giả khi miêu tả đối tượng còn được làm rõ qua những chuyển biến của dòng sông khi vào Huế.** Bắt đầu vào thành phố, như đã tìm thấy chính mình khi gặp người tình mong đợi, sông Hương *“vui tươi hẳn lên giữa những biền bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long”*, dòng sông *“kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam* – *đông bắc”* để hòa với vẻ đẹp của chiếc cầu trắng Tràng Tiền*“nhỏ nhắn như những vành trăng non*”. Đây là một sự so sánh rất ấn tượng, vừa đúng với màu sắc của những vòng cung nhịp cầu, vừa hợp với ánh sáng bầu trời, vui tươi mà không ồn ào, bừng lên phía chân trời xa nhưng không quá chói chang.Vậy là cuộc gặp gỡ giữa người con gái đẹp và người tình trông đợi nghìn năm đã trở thành hiện thực. Vì vậy, nhà văn nhìn thấy *“sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”*. Diễn tả cái uốn mình mềm mại của dòng Hương bằng một so sánh như thế thì quả là tinh tế, tài hoa, mà cũng thật là tình tứ. Chảy giữa lòng thành phố Huế, sông Hương tỏa thành nhiều nhánh như những cánh tay ôm ấp các phố thị. Toàn bộ mặt sông *“trôi đi chậm, thực chậm cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh”.* Sông Hương lúc này không còn cái phóng khoáng, man dại nữa mà trở nên mềm mại, nhu mì và mang nét nhỏ nhẹ, ngoan hiền như cô gái kinh thành. Dòng Hương lúc này không còn rầm rộ, mãnh liệt, cuộn xoáy như trước kia mà trở nên lững lờ đầy tâm trạng. Sông Hương và những chi lưu tạo những đường nét thật tinh tế làm nên vẻ đẹp cổ kính của cố đô, điệu chảy nhẹ nhàng của nó đẹp như điệu slow chậm rãi, sâu lắng, trữ tình. Lưu tốc của dòng nước chợt giảm hẳn đi và cái điệu chảy lững lờ như thương như nhớ cũng chính là một nét độc đáo, gợi thi tứ dạt dào của dòng Hương. **Có thể khẳng định chính những chuyển biến của dòng sông khi vào Huế đã khái quát khá rõ nét những phát hiện tinh tế của tác giả khi miêu tả đối tượng.**

Hình tượng nghệ thuật chính là yếu tố kết tinh giá trị tư tưởng, tình cảm của tác giả, là yếu tố trung tâm của tác phẩm văn học. Đây là một loại kí hiệu thẩm mĩ đặc biệt để nhà văn thể hiện quan điểm, gửi gắm những chiêm nghiệm suy từ của mình về đời sống. Và sông Hương cũng vậy. Qua ngòi bút của Hoàng Phủ Ngọc Tường, **mối quan hệ đặc biệt với Huế** và **vẻ đẹp mang đậm dấu ấn bản sắc văn hóa Huế** chính là **những phát hiện tinh tế của tác giả khi miêu tả con sông**. Có thể thấy cuộc gặp gỡ giữa sông Hương và thành phố duy nhất ấy đẹp như một mối tình ấp ủ hàng ngàn năm. Là một người tình dịu dàng và chung thủy, quá nặng tình nên đâu dễ dứt đi một cách dễ dàng, sông Hương trước khi rời Huế gây ấn tượng bởi chỗ rẽ ngoặt bất ngờ để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh cổ. Qua cái nhìn của Hoàng Phủ Ngọc Tường, sông Hương hiện rõ dáng hình, tiếng nói và tâm hồn cô gái Huế dịu hiền. Hơn thế, sông Hương là một thiên sử thi, là dòng sông của thi ca gợi cảm, gợi thi hứng cho bao tâm hồn nghệ sĩ. Mặt nước sông Hương in bóng trăng thanh đã truyền cảm hứng cho điệu hò mái nhì, mái đẩy gửi lòng đến với quê hương xứ sở. Từ một đường cong, một nét uốn lượn đến cái sắc tím huyền ảo, sông Hương đều mang những dáng hình rất đặc trưng cho Huế. Nói khác đi, bản sắc văn hóa nơi này đã ngấm vào dòng sông lúc nào không biết. Những phát hiện tinh tế của tác giả có sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và trí tuệ, giữa sự trải nghiệm, cảm xúc của bản thân cùng vốn hiểu biết sâu rộng về văn hóa, lịch sử, địa lí và văn chương khiến sông Hương trở nên lung linh, biến ảo, sinh động như đời sống và tâm hồn con người.

Nhà văn **Aitmatov** từng nói: *“Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, ở chữ cuối cùng (...). Nó thâm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động”.* Với tất cả sự trân quí và đồng cảm chân thành, sâu sắc, chúng ta tin những phát hiện tinh tế của Hoàng Phủ Ngọc Tường khi miêu tả sông Hương vừa tìm hiểu trên nói riêng và tác phẩm ***Ai đã đặt tên cho dòng sông?*** nói chung sẽ có một đời sống bất tận, sẽ tuần hoàn mãi trong lòng người đọc nhiều thế hệ**.**

**Đề 2:**

**Trong đêm tình mùa xuân, trước khi *“quấn lại tóc…lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách … rút thêm cái áo”* chuẩn bị đi chơi thì Mị đã *“lấy ống mỡ xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng”.***

**Trong đêm mùa đông, trước khicắt dây trói cứu A Phủ, nhà văn đã thuật lại sự việc Mị *“thản nhiên thổi lửa, hơ tay”.***

**Phân tích hai tình tiết trong đoạn trích *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), từ đó, anh/ chị hãy làm rõ nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả.**

**Bài làm**

**GS. Nguyễn Đăng Mạnh** từng nhận xét: “*Bút lực dồi dào của Tô Hoài được tôi luyện từ một tâm hồn nhạy cảm với thời cuộc, nhân tình thế thái, với vạn vật, thiên nhiên và một cuộc đời đầy ắp trải nghiệm.”* Ý kiến trên quả là một đánh giá tinh tường về Tô Hoài, một tác giả hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục, tập quán nhiều vùng đất cũng như nổi tiếng với những trang viết trần thuật sinh động, miêu tả ấn tượng. Được sáng tác năm 1952, trích trong tập *Truyện Tây Bắc*, *Vợ chồng A Phủ* đã ghi những dấu ấn sâu sắc trong văn học nước nhà. Đặc biệt, hình ảnh nhân vật Mị với những hành động đặc biệt gắn với hai thời điểm quan trọng trong cuộc đời cô không chỉ thể hiện được giá trị đặc sắc của tác phẩm mà còn góp phần làm rõ những nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả.

Mị là cô gái trẻ đẹp, hiếu thảo nhưng vì món nợ truyền đời mà bị bắt làm con dâu trong nhà thống lí Pá Tra. Sống kiếp nô lệ hết năm này qua năm khác, cô tê liệt dần sức sống và sức phản kháng. Nhưng trải qua hai đêm quan trọng trong đời, đêm tình mùa xuân với tiếng sáo gọi bạn tha thiết và đêm đông khi chứng kiến cảnh A Phủ (một người có số phận bất hạnh giống với Mị) bị trói đứng và xúc động trước dòng nước mắt của anh; Mị dần thức tỉnh. Cô đã cởi trói cho A Phủ và cùng anh đến Phiềng Sa xây dựng cuộc đời mới tốt đẹp. Hai tình tiết trên gắn với hai thời điểm quan trọng ấy trong cuộc đời Mị. Khắc họa thành công **kiểu nhân vật tâm lí** với những chuyển biến mạnh mẽ trong suy nghĩ, cảm xúc, gây ấn tượng bởi **sức sống tiềm tàng mãnh liệt**, **góp phần thể hiện vẻ đẹp của con người Tây Bắc**; qua nhân vật Mị, Tô Hoài quả thật giúp người đọc cảm nhận được rõ nét **những đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật** của ông.

**Trước hết, nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả được thể hiện qua diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân.** Tiếng sáo vang lên *“văng vẳng”,* tiếng sáo bay *“lửng lơ”* trong đêm xuân gió lạnh như là tác nhân quan trọng khiến Mị bừng tỉnh khỏi những tháng ngày tê liệt sức sống. Khi nghe tiếng sáo vọng lại, Mị bừng tỉnh, thoát khỏi trạng thái vô cảm bấy lâu nay, cô đã cảm nhận tiếng sáo bằng tâm trạng *“thiết tha bổi hổi”.* Sau đó, Mị *“nhẩm theo bài hát của người đang thổi sáo”* và lấy rượu uống, uống rất lạ: *“cứ uống ực từng bát”.* Cô uống như để quên, để trôi đi hết bao đắng cay, tủi cực. Từ lúc ấy, dường như *“lòng Mị đang sống về ngày trước”*, ngày còn tự do, khi mùa xuân về Mị thổi sáo và *“có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”.* Và sức sống trong Mị bắt đầu hồi sinh: *“Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước”*. Mị đã nhận thức ra vấn đề mình vẫn còn là con người, vẫn còn quyền sống của một con người: *“Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi.”* Đồng thời Mị ý thức được mình rất cần hạnh phúc: *“bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau”*. Bất ngờ thay, khi lòng khao khát sống hạnh phúc trào dâng cũng là lúc Mị nhận ra được nỗi tủi nhục, bất hạnh của mình và cô đã nghĩ đến cái chết: *“nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra”.* Tuy vậy,tiếng gọi của tình yêu cuộc sống đã kéo Mị về nỗi khao khát tự do hạnh phúc, nó khiến lòng yêu đời, yêu cuộc sống, khao khát hạnh phúc, tự do trỗi dậy mãnh liệt trong Mị: *“Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi”*. Do đó Mị đã hành động nhanh chóng: *“lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng, …quấn lại tóc, với tay lấy váy hoa vắt ở trong vách, rút thêm cái áo”* chuẩn bị đi chơi. Ba hành động này chứng tỏ sức sống của Mị đã lên đến cao trào của sự trỗi dậy. Thế nhưng khi A Sử về, thấy Mị chuẩn bị đi chơi, hắn đã thẳng tay vùi dập Mị tàn tệ. Lúc đầu, Mị không hề phản ứng bởi vì Mị vẫn thấy *“hơi rượu còn nồng nàn”*, vẫn còn nghe tiếng sáo, *“như không biết mình đang bị trói”* mà vẫn hướng theo *“tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi”*. Nhưng rồi khi *“vùng bước đi”* mà *“chân tay đau không cựa được”*, và *“không nghe tiếng sáo nữa”*, chính lúc ấy Mị trở về với thực tại đắng cay. Mị khóc cho thân phận mình *“không bằng con ngựa”.* Ngọn lửa mà Mị thắp lên đã bị A Sử dập tắt. Nhưng A Sử chỉ có thể trói buộc về thể xác mà không trói buộc được tâm hồn Mị. Cuộc trỗi dậy ấy đã đứt đoạn trong đau đớn nhưng ngọn lửa của khát khao sẽ bùng lên mãnh liệt, dữ dội hơn ở tương lai. **Quả thật, diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân đã góp phần làm rõ nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả.**

**Bên cạnh đó, có thể thấy nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả còn được làm rõ qua diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm mùa đông.** Khi đang thức sưởi lửa để xua đi cái lạnh của *“những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn”,* vô tình Mị *“lé mắt trông sang”* và thấy *“hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại”.* Đầu tiên, Mị lạnh lùng, vô cảm khi *“vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay*”; cô đã nghĩ *“Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi”.* Nhưng khi chợt chứng kiến nước mắt của A Phủ, Mị dần thay đổi. Mị nhớ lại hoàn cảnh của mình trước đây khi bị A Sử hành hạ: *“Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ không biết lau đi được”.* Cô bắt đầu thấy cảm thông cho A Phủ *“Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết”* và căm phẫn tội ác của cha con thống lí *“nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác”.* Cô nghĩ đến thân mình *“là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi”* và nhận thức được sự vô lí đối với A Phủ: *“người kia việc gì mà phải chết thế”*, đồng thời Mị tưởng tượng cảnh nếu A Phủ trốn được, Mị sẽ phải chết thay. Dần dần Mị đã thắng sự sợ hãi để dẫn đến kết quả là hành động cắt đây trói nhanh chóng, dứt khoát. Với hành động đấy Mị không chỉ cứu người mà cô còn cứu được cả chính mình; đồng thời nó còn thể hiện khát vọng sống, ngọn lửa yêu thương sự sống mãnh liệt đã cháy bùng lên trong con người của Mị. Và sau phút giây ngắn ngủi “*đứng lặng trong bóng tối”,* Mị đã *“vụt chạy ra”* trốn thoát cùng A Phủ. Hành động này hoàn toàn phù hợp với quá trình phát triển của tâm lí nhân vật. Tuy có tính chất tự phát song đó là kết quả tất yếu của một quá trình bị dồn nén, bức xúc về tinh thần đòi hỏi phải được giải thoát. Hành động này xuất hiện rất thích hợp vào đúng khoảnh khắc có tính chất quyết định cho sự trỗi dậy của nhân vật, có ý nghĩa to lớn bởi nó là sự hồi sinh, là biểu tượng của tinh thần phản kháng quyết liệt với kẻ ác, khởi đầu từ tự phát dần đến quá trình tự giác đi theo cách mạng. **Có thể khẳng định chính diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm mùa đông đã khái quát khá rõ nét những đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả.**

Mị chính là nhân vật trung tâm của tác phẩm, cũng như trong phần đoạn trích của sách giáo khoa. Khắc họa Mị, Tô Hoài đã thể hiện được **những nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của ông**. Khác với A Phủ là kiểu nhân vật hành động với những phản ứng táo bạo, quyết liệt; Mị là **kiểu nhân vật tâm lí**. Do vậy, nhân vật chủ yếu được khắc họa nhấn mạnh vào tâm tư với những chuyển biến âm thầm nhưng mạnh mẽ. Mị cũng nổi bật ở **sức sống tiềm tàng mãnh liệt** được thể hiện qua hai thời điểm quan trọng: đêm tình mùa xuân khi tiếng sáo gọi bạn vang vang và đêm đông khi quyết định cắt dây trói cứu A Phủ. Với số phận đau thương nhưng giàu sức sống, tình cảm và khát vọng, nhân vật đã **góp phần hoàn thiện chân dung con người miền núi Tây Bắc**, làm nên vẻ đẹp mang màu sắc địa phương rất riêng cho tác phẩm. Phối hợp vừa tả vừa kể, nhấn mạnh các chi tiết cụ thể, ấn tượng để khắc họa những đặc điểm tính cách, có thể nói Tô Hoài đã rất thành công trong việc xây dựng một nhân vật tiêu biểu cho văn học hiện thực cách mạng sau năm 1945.

Nhà văn **Aitmatov** từng nói: *“Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, ở chữ cuối cùng (...). Nó thâm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động”.* Với tất cả sự trân quí và đồng cảm chân thành, sâu sắc, chúng ta tin những đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật Mị của Tô Hoài vừa tìm hiểu trên nói riêng và tác phẩm ***Vợ chồng A Phủ*** nói chung sẽ có một đời sống bất tận, sẽ tuần hoàn mãi trong lòng người đọc nhiều thế hệ**.**

**Đề 3:**

**Người lính Tây Tiến trong chặng đường hành quân từng xuất hiện với hình ảnh: *“Anh bạn dãi dầu không bước nữa/ Gục lên súng mũ bỏ quên đời”*.**

**Thế nhưng họ vẫn gây ấn tượng sâu đậm với hình ảnh: *“Mắt trừng gửi mộng qua biên giới/ Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm”*.**

**Phân tích vẻ đẹp của người lính Tây Tiến qua hai hình ảnh trên, từ đó làm rõ nét độc đáo của hình tượng nghệ thuật này.**

**Bài làm**

Nhà phê bình **Phạm Xuân Nguyên** từng nhận xét:*“Một bài thơ kỳ diệu và có một vị trí đặc biệt trong lòng công chúng, một bài thơ làm sống dậy cả một trung đoàn, khiến địa danh Tây Tiến trường tồn trong lịch sử và ký ức mỗi người”.* Ý kiến trên quả là một đánh giá tinh tường về bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng. Được sáng tác cuối năm 1948 ở Phù Lưu Chanh (Hà Đông cũ), trích trong tập *Mây đầu ô* (1986), bài thơ đã ghi những dấu ấn sâu sắc trong văn học nước nhà. Đặc biệt, người lính Tây Tiến trong hai hình ảnh trên không chỉ thể hiện được giá trị đặc sắc của tác phẩm mà còn góp phần làm rõ nét độc đáo của hình tượng nghệ thuật này.

Tái hiện thành công bức tranh thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng đầy kì thú, hấp dẫn, đồng thời bài thơ cũng là bản hùng ca về phẩm chất anh hùng và tinh thần yêu nước của các chiến sĩ người lính Tây Tiến. Hai hình ảnh trên gắn với chặng đường hành quân đầy vất vả gian lao cũng như tô đậm v**ẻ đẹp tâm hồn hào hoa lãng mạn** của họ. Chính điều này cùng với **xuất thân đặc biệt** là những **nét độc đáo của hình tượng người lính Tây Tiến** được Quang Dũng khắc họa trong bài thơ cùng tên.

**Trước hết, nét độc đáo của hình tượng người lính Tây Tiến được thể hiện qua hình ảnh của họ trong chặng đường hành quân vất vả.** Đầu tiên là **h**ình ảnh địa danh Sài Khao với *“sương lấp”* vừa thể hiện điều kiện thiên nhiên không thuận lợi vừa làm nặng nề thêm những vất vả gian lao cho *“đoàn quân mỏi”*. Tiếp theo là cảnh dốc đứng vực sâu được tái hiện với câu thơ:

*Dốc lên khúc khuỷa dốc thăm thẳm*

Điệp từ *“dốc”* đặt ở đầu hai vế câu thơ gợi cảm giác những con đường dốc nối tiếp nhau. Những từ láy tạo hình *“khúc khuỷu”, “thăm thẳm”* đặt trong câu thơ nhiều thanh trắc góp phần miêu tả cảnh hùng vĩ, đầy hiểm trở của núi rừng. Con đường hành quân qua dốc núi vừa gập ghềnh, trắc trở, vừa cao vừa sâu hun hút, đỉnh dốc chơi vơi giữa trời vắng lặng. Câu thơ *“Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống”* càng tô đậm được sự khốc liệt ấy. Điệp từ *“ngàn thước”*, cặp từ tương phản *“lên* – *xuống”*, nhịp thơ 4/3 như tô đậm chiều cao, độ sâu và tạo một nét gãy đầy ấn tượng của núi đèo. Chiều cao và chiều sâu của dốc núi dựng đứng đã đặc tả được sự nguy hiểm đối với chiến sĩ. Con đường như dài ra theo bao nhiêu nguy hiểm, khó khăn, vất vả với *“cọp trêu người”* luôn rình rập chiều chiều, đêm đêm và thác cao nghìn thước. Vất vả, gian lao nên không ít người đã quá sức mệt mỏi:

*Anh bạn dãi dầu không bước nữa*

*Gục lên súng mũ bỏ quên đời*

 Cách nói giảm làm dịu bớt đau thương – họ hi sinh như đi vào giấc ngủ thanh thản – nhưng cũng không che giấu hết những gian khổ, nhọc nhằn đã vắt kiệt sức của các chiến sĩ. Tuy vậy, đằng sau những mất mát hi sinh, chúng ta vẫn cảm nhận được ý chí vượt lên hoàn cảnh của người lính. Đi qua những gian lao, tinh thần xả thân vì nước của họ còn được tô đậm. **Quả thật, hình ảnh của người lính Tây Tiến trong chặng đường hành quân vất vả đã góp phần làm rõ nét độc đáo của hình tượng này.**

**Bên cạnh đó, có thể thấy nét độc đáo của người lính Tây Tiến còn được làm rõ qua vẻ đẹp tâm hồn hào hoa lãng mạn rất riêng của họ, đặc biệt với hai câu thơ sau:**

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm*

Ẩn chứa bên trong đoàn quân xanh xao ấy là một dũng khí ngất trời. Không chỉ *“dữ oai hùm”*, đôi *“mắt trừng gửi mộng qua biên giới”* đã tô đậm khí thế, quyết tâm của họ.Vất vả, gian lao nhưng vẫn luôn mơ về quê nhà, nhớ về Hà Nội với những giấc mơ hào hoa và lãng mạn. Sau ánh nhìn quyết tâm làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng bảo vệ biên cương Tổ quốc là đôi mắt mơ đắm về kỉ niệm, hạnh phúc. Chính những điều tưởng chừng như giản đơn, một thời bị lên án ấy lại là một động lực tiếp thêm sức mạnh cho họ trên đường hành quân gian lao, giúp họ có thể trụ vững trong hiện tại khốc liệt. Giống như thiên nhiên Tây Bắc, sau một nét vẽ mạnh mẽ, cứng cáp lại là những nét mềm mại, hình ảnh người lính được khắc họa với đầy đủ chất lãng mạn của người con trai Hà thành vừa rời ghế nhà trường lên đường chiến đấu. **Có thể khẳng định chính vẻ đẹp tâm hồn hào hoa lãng mạn rất riêng đã khái quát khá rõ nét độc đáo của người lính Tây Tiến trong bài thơ.**

Hình tượng nghệ thuật chính là yếu tố kết tinh giá trị tư tưởng, tình cảm của tác giả, là yếu tố trung tâm của tác phẩm văn học. Đây là một loại kí hiệu thẩm mĩ đặc biệt để nhà văn thể hiện quan điểm, gửi gắm những chiêm nghiệm suy tư của mình về đời sống. Hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ cùng tên với **vẻ đẹp độc đáo, riêng biệt** cũng là một trường hợp như thế. Khác với những người lính xuất thân từ nông dân được khắc họa trong *Đồng chí* (Chính Hữu), *Nhớ* (Hồng Nguyên), đoàn quân Tây Tiến vốn là học sinh, sinh viên Hà Nội vừa rời ghế nhà trường lên đường chiến đấu. *“Xếp bút nghiên theo việc đao cung”*, họ bước vào chiến trường với tinh thần của những người con Hà Nội *“quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”*. **Xuất thân đặc biệt** ấy cũng tạo nên cho họ một vẻ đẹp riêng không lẫn với ai – đó là **tâm hồn hào hoa lãng mạn**. Họ cảm nhận những chuyển biến tinh tế của thiên nhiên trên đường hành quân, ngắm “hoa về trong đêm hơi”, trải lòng với cơn mưa rừng, dạt dào cảm xúc với xôi nếp thơm, “cơm lên khói”, với đêm hội núi rừng và kỉ niệm chặng đường qua Châu Mộc. Hơn hết, nỗi nhớ Hà Nội tha thiết chính là điểm nhấn cho vẻ đẹp tâm hồn ấy. Được khắc họa bằng bút pháp tả thực và lãng mạn đan xen, tô đậm với bút pháp lí tưởng hóa với âm hưởng bi tráng rất riêng, hình tượng này hiện lên như anh hùng tráng sĩ thời xưa nhưng cũng toát lên vẻ đẹp hiện đại đầy sinh động của những người lính chống Pháp.

 Nhà văn **Aitmatov** từng nói: *“Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, ở chữ cuối cùng (...). Nó thâm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động”.* Với tất cả sự trân quí và đồng cảm chân thành, sâu sắc, chúng ta tin vẻ đẹp độc đáo của người lính Tây Tiến vừa tìm hiểu trên nói riêng và bài thơ nói chung là một điệu hồn sống mãi, đã và đang bay đi tìm kiếm thêm nhiều điệu hồn đồng điệu.

**Đề 4:**

**Khi đối thoại với Đế Thích, trước khicu Tị mất, hồn Trương Ba đã nói: *“Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”*.**

**Saukhicu Tị mất, hồn Trương Ba lại khẳng định: *“Không thể sống với bất cứ giá nào được”*.**

**Phân tích ý nghĩa hai lời thoại trên trong đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ), từ đó, anh/ chị hãy làm rõ vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật hồn Trương Ba.**

**Bài làm**

**PGS. Lưu Khánh Thơ** từng nhận xét:“*Vở kịch không chỉ nói đến sự hòa hợp và ý thức đạo lí giữa phần hồn và phần xác mà còn đề cao cuộc đấu tranh cho sự hoàn thiện nhân cách con người. Nó không chỉ đề cập đến chuyện của một thời mà còn đề cập đến chuyện của muôn đời: đó là triết lí về lẽ sống, lẽ làm người”.* Ý kiến trên quả là một đánh giá tinh tường về vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ. Được sáng tác năm 1981, vở kịch đã ghi những dấu ấn sâu sắc trong văn học nước nhà, đặc biệt với đoạn trích nằm ở cảnh VII và màn kết của tác phẩm. Trong đó, hai lời thoại ý nghĩa của hồn Trương Ba với Đế Thích trước và sau cái chết của cu Tị không chỉ thể hiện được giá trị đặc sắc của tác phẩm mà còn góp phần làm rõ vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật này.

Vở kịch kể về việc Trương Ba, một người nông dân hiền lành giỏi đánh cờ, đã bị quan thiên đình bắt chết nhầm. Vì muốn sửa sai nên Nam Tào và Đế Thích cho hồn Trương Ba phục sinh trong xác hàng thịt vừa mới chết. Trú nhờ linh hồn trong thể xác ấy, Trương Ba gặp rất nhiều cảnh trái ngang, luôn đau khổ vì phải sống trái tự nhiên, lại nhiễm một số thói xấu và những nhu cầu vốn không phải của chính bản thân ông. Cuối cùng, Trương Ba thắp hương gọi Đế Thích, quyết định trả lại xác cho hàng thịt và chấp nhận cái chết. Hai lời thoại trên gắn với sự phát triển và giai đoạn đỉnh điểm đến chỗ “mở nút” của bi kịch. Ở đó, ta cảm nhận được khá rõ nét **vẻ đẹp của nhân vật hồn Trương Ba**. Tuy có lúc phải thỏa hiệp để tồn tại nhưng nhân vật luôn **dằn vặt với sự tha hóa**, luôn nỗ lực vươn lên bằng tất cả phẩm giá **lương thiện**, **lòng nhân hậu vị tha** và **nhận thức sâu sắc về ý nghĩa đích thực của sự sống**. Những điều ấy khiến nhân vật có một đời sống lâu bền trong lòng người đọc.

**Trước hết, vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật hồn Trương Ba được thể hiện qua lời thoại *“Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”* của nhân vật này với Đế Thích trước khicu Tị mất.** Trong đoạn đối thoại với các xác, dẫu hồn Trương Ba dằn vặt, đau khổ và quyết định chống lại bằng cách muốn thoát khỏi thể xác để tồn tại độc lập nhưng xác hàng thịt đã chỉ rõ cho ông thấy cần phải thỏa hiệp cùng nhau để tồn tại. Hồn Trương Ba đã nổi giận, đã khinh bỉ, đã mắng nhiếc nhưng ông cũng ngậm ngùi thấm thía cho nghịch cảnh của mình, đành chấp nhận sự thật trong đớn đau. Thế nhưng, phẩm giá lương thiện, nỗi niềm dằn vặt với sự tha hóa khiến ông quyết định thắp nhang mời Đế Thích nói chuyện. Lời thoại đã nêu trên của hồn Trương Ba chứng tỏ nhân vật đã tự ý thức rất rõ ràng về hoàn cảnh trớ trêu, đầy tính chất bi kịch của mình. Càng ngày ông càng thấm thía nỗi đau khổ vì nhận ra tình trạng vênh lệch giữa hồn và xác, đồng thời cũng day dứt tuyệt vọng khi bị người thân xa lánh. Ông đã nhận ra: con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hòa, không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục, tội lỗi. Từ đó hồn Trương Ba khẳng định: “*Sống nhờ vào đồ đạc, của cải của người khác đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!”.* Quả thậtsống thực sự cho ra con người không hề dễ dàng, đơn giản. Khi sống nhờ, sống gửi, sống chắp vá, khi không được là mình thì cuộc sống ấy thật vô nghĩa. Con người không thể sống nhờ, sống bằng bất cứ điều kiện gì do người khác ban phát, trái lại cần luôn biết đấu tranh thoát ra những nghịch cảnh, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị cao quý. **Quả thật, lời thoại với Đế Thích trước khicu Tị mất đã góp phần làm rõ vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật hồn Trương Ba.**

**Bên cạnh đó, có thể thấy vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật hồn Trương Ba còn được làm rõ qua lời thoại *“Không thể sống với bất cứ giá nào được”* của nhân vật này với Đế Thích sau khi cu Tị mất.** Đế Thích có ý định giúp hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị với bao nhiêu lời hứa hẹn về một tương lai tốt đẹp**.** Trước đề nghị đầy tính khả thi của Đế Thích, hồn Trương Ba vẫn nhận ra sẽ có *“bao nhiêu sự rắc rối”* đang chờ, cũng như thật vô lí khi *“một ông già gần sáu mươi”* được sống còn thằng bé *“chưa bắt đầu cuộc đời, còn đang tuổi ăn, tuổi lớn, chạy nhảy vô tư”* lại phải chết. Ông cũng hình dung ra trước tương lai “*bơ vơ lạc lõng, hoặc sẽ trở nên thảm hại đáng ghét*” của mình nếu chấp nhận đề nghị của Đế Thích. Và cuối cùng ôngđã từ chối quyền được tái sinh một lần nữa, nhường quyền sống cho cu Tị vì ông hiểu rằng: *“Không thể sống với bất cứ giá nào được*... *Ông tưởng tôi không ham sống hay sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là chết”.*Quyết định dứt khoát này là kết quả của một quá trình diễn biến hợp lí khi Trương Ba ngày càng thấm thía nỗi đau xót, trớ trêu khi lâm vào nghịch cảnh “*bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo”.*Nhận thức tỉnh táo và lòng vị tha, thương người đã giúp ông đi đến quyết định dứt khoát. Từ đó, ta nhận ra Trương Ba là một người nhân hậu, sáng suốt, giàu lòng tự trọng; đặc biệt hơn, đó là một con người ý thức được ý nghĩa của cuộc sống. **Có thể khẳng định chính lời thoại *“Không thể sống với bất cứ giá nào được”* của hồn Trương Ba với Đế Thích sau khi cu Tị mất đã khái quát khá rõ nét vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật này.**

Dựa vào cốt truyện dân gian, kịch tác gia đã sáng tạo nên nhân vật hồn Trương Ba với hành động phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, với những lời thoại vừa hướng ngoại lại vừa mang tính chất hướng nội, thể hiện được sự phát triển tình huống kịch cũng như **vẻ đẹp phẩm chất** rất đáng trân trọng. Là một người nông dân **hiền lành, tử tế** nhưng Trương Ba lại lâm vào cảnh trái ngang do quan thiên đình gây nên. Trong thân xác hàng thịt, hồn Trương Ba dù không muốn vẫn phải làm những điều trái với phẩm chất, tư tưởng của mình để thỏa mãn những đòi hỏi của thân xác. Điều này khiến ông luôn đau đớn khi bị người thân xa lánh, luôn chịu **dằn vặt khi bị tha hóa**. Cũng trong hoàn cảnh éo le ấy, ta thấy nổi bật ở nhân vật là **ý thức tranh đấu với những biểu hiện xấu xa, tầm thường** để bảo vệ phẩm giá cũng như **tấm lòng nhân hậu, vị tha** khi quyết định nhường cơ hội sống cho cu Tị. Với lựa chọn khó khăn nhưng rất sáng suốt ấy, có thể thấy hồn Trương Ba đã **hiểu thấu được ý nghĩa đích thực của sự sống**. Từ đó, sự ra đi của ông góp phần tạo nên chất thơ sâu lắng, âm hưởng thanh thoát cho một bi kịch lạc quan đồng thời truyền đi thông điệp về sự chiến thắng của cái Thiện, cái Đẹp.

Nhà văn **Aitmatov** từng nói: *“Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, ở chữ cuối cùng (...). Nó thâm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động”.* Với tất cả sự trân quí và đồng cảm chân thành, sâu sắc, chúng ta tin vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật hồn Trương Ba vừa tìm hiểu trên nói riêng và tác phẩm ***Hồn Trương Ba, da hàng thịt*** nói chung sẽ có một đời sống bất tận, sẽ tuần hoàn mãi trong lòng người đọc nhiều thế hệ**.**

**Đề 5:**

**Nguyễn Tuân đã khắc họa hình ảnh sông Đà hung bạo dữ dằn với bao nhiêu *“boong-ke chìm và pháo đài nổi”* quyết tâm *“phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác”*.**

**Khi bay tạt ngang sông Đà, ông ấn tượng với hình ảnh *“sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”*.**

**Phân tích vẻ đẹp của sông Đà qua hai yếu tố trên, từ đó làm rõ tình cảm tha thiết mà tác giả dành cho đối tượng miêu tả.**

**Bài làm**

**PGS. Nguyễn Thành Thi** từng nhận xét:“*Đọc Nguyễn Tuân, đọc* ***Người lái đò sông Đà****, ta vừa thấy cái tài lại vừa thấy cái tình của Nguyễn. Cả hai đều lớn lao, đều đẹp khiến ta luôn bồi hồi, hân hoan, sảng khoái”.* Ý kiến trên quả là một đánh giá tinh tường về tùy bút *Người lái đò sông Đà* của Nguyễn Tuân. Là kết quả của nhiều dịp ông đến với Tây Bắc trong thời kì kháng chiến chống Pháp; đặc biệt là của chuyến đi thực tế năm 1958, trích trong tập tùy bút *Sông Đà* xuất bản lần đầu năm 1960 gồm mười lăm bài, tác phẩm này đã ghi những dấu ấn sâu sắc trong văn học nước nhà. Trong đó, vẻ đẹp sông Đà qua hai hình ảnh trên không chỉ thể hiện được giá trị đặc sắc của tác phẩm mà còn góp phần làm rõ tình cảm tha thiết mà tác giả dành cho đối tượng miêu tả.

Bài tùy bút đã thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước và con người Việt Nam khi giới thiệu, khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp con người lao động và thiên nhiên ở miền Tây Bắc của Tổ quốc. Do vậy, trong tác phẩm, bên cạnh hình ảnh ông lái đò tài hoa trí dũng, chúng ta thấy nổi bật lên hình ảnh con sông Đà vừa hung bạo dữ dằn vừa trữ tình thơ mộng. Với tất cả **tình cảm tha thiết dành cho dòng sông**, Nguyễn Tuân đã thể hiện những **hiểu biết sâu sắc của mình về đối tượng** cũng như **cách ông khắc họa, miêu tả nó đầy ấn tượng**.

**Trước hết, tình cảm tha thiết mà tác giả dành cho đối tượng miêu tả được thể hiện qua vẻ đẹp hung bạo dữ dằn ấn tượng của sông Đà trong vòng vây thạch trận thứ nhất.** Vòng vây này được tác giả miêu tả dài nhất. Người lái đò phải đối mặt cùng *“sóng bọt đã trắng xóa cả một chân trời đá”* với những hòn đá hung hãn, ngỗ ngược đang mai phục từ ngàn năm nay chực chờ *“nhổm cả dậy để vồ lấy thuyền”*. Đá dàn bày thạch trận *“ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền”* với hàng tiền vệ *“giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa”* cho tuyến hai *“đánh khuýp quật vu hồi lại”*, nếu thuyền thoát qua thì đã có tuyến ba gồm bao nhiêu *“boong-ke chìm và pháo đài nổi”* quyết tâm *“phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác”*. Có những hòn đá được nhà văn miêu tả hệt như những tên tướng giặc kiêu căng hợm hĩnh phối hợp cùng *“nước thác reo hò”* như một đội quân liều mạng đầy sát khísẵn sàng ùa vào mà *“bẻ gãy cán chèo”* của người lái đò, mà *“thúc gối vào bụng và hông thuyền”*, *“đội cả thuyền lên”*, nhằm vào chỗ hiểm tấn công liên tiếp với lối *“đánh hồi lùng, đánh đòn tỉa, đánh đòn âm”*. Cảnh tượng lúc bấy giờ cũng thật tráng lệ khi trong khoảnh khắc mặt sông *“lòa sáng lên như một cửa bể đom đóm rừng ùa xuống mà châm lửa vào đầu sóng”.* **Quả thật, vẻ đẹp hung bạo dữ dằn ấn tượng của sông Đà trong vòng vây thạch trận đầu tiên đã góp phần làm rõ tình cảm tha thiết mà tác giả dành cho đối tượng miêu tả.**

**Bên cạnh đó, có thể thấy tình cảm tha thiết mà tác giả dành cho đối tượng miêu tả còn được làm rõ qua vẻ đẹp thơ mộng trữ tình của sông Đà khi nhà văn có dịp bay tạt ngang đôi lần.** Từ trên cao nhìn xuống con sông, điều đầu tiên nhìn thấy là hình dáng như *“cái dây thừng ngoằn ngoèo”*. Sau đó là *“từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây”* rất tinh tế và cuối cùng ngưng đọng lại trong hình ảnh *“sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”*. Và những lần sau nữa, khi Nguyễn Tuân *“nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên sông Đà”* hoặc lúc *“xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước sông Đà”*, ông thấy dòng sông hiện lên như một mĩ nhân hiền dịu đầy xuân sắc với bao sắc màu biến đổi diệu kì: *“mùa xuân dòng xanh ngọc bích”*, *“mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa”*. Con sông tươi đẹp, sinh động biết bao chứ không phải là con sông đen như *“thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu”.* **Có thể khẳng định chính vẻ đẹp thơ mộng trữ tình từ trên cao nhìn xuống của sông Đà đã khái quát khá rõ nét vẻ đẹp tình cảm tha thiết mà tác giả dành cho đối tượng miêu tả.**

Viết tùy bút, cái tôi của nhà văn có điều kiện bộc lộ trực tiếp. Trong tác phẩm này, dấu ấn tình cảm riêng của tác giả in rõ trong nhiều trang, nhiều đoạn. Với sông Đà, **tình cảm tha thiết thiết của tác giả dành cho hình tượng nghệ thuật này** được thể hiện ở **hiểu biết sâu sắc của nhà văn đối với con sông** cũng như **cách ông khắc họa, miêu tả nó**. Nguyễn Tuân vốn nổi tiếng uyên bác, nên khi tái hiện đối tượng trên trang văn, ông luôn cố gắng cung cấp cho người đọc nhiều kiến thức nhất về điều ấy. Cảnh sắc của con sông được bao quát từ nhiều góc nhìn khác nhau, theo nhiều mùa trong năm với những biến ảo khôn lường khiến người đọc phải ngạc nhiên, ấn tượng. Vận dụng vốn kiến thức liên ngành đa dạng (địa lí, lịch sử, võ thuật, quân sự, văn học, …), ông chú ý miêu tả từng sự thay đổi, gọi tên chính xác từng cái thác, từng hút nước, từng quãng mặt ghềnh, nắm bắt được những nét độc đáo của con sông. Hơn thế, với ba khả năng của mình tuyệt vời của mình (sự quan sát tinh tường, trí tưởng tượng phong phú và tư duy liên tưởng so sánh bất ngờ) và việc sử dụng cấu trúc câu trùng điệp, phối hợp linh hoạt và đầy sáng tạo các biện pháp tu từ, tác giả đã làm nổi bật lên hình tượng sông Đà như một biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ nhưng cũng đầy thơ mộng của thiên nhiên đất nước. Từ đó, hình tượng thiên nhiên này chính là phông nền cho sự tôn vinh vẻ đẹp của người lao động trong giai đoạn mới cũng như tài năng và tấm lòng của Nguyễn Tuân.

Nhà văn **Aitmatov** từng nói: *“Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, ở chữ cuối cùng (...). Nó thâm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động”.* Với tất cả sự trân quí và đồng cảm chân thành, sâu sắc, chúng ta tin tình cảm tha thiết mà tác giả dành cho sông Đà vừa tìm hiểu trên nói riêng và tác phẩm ***Người lái đò sông Đà*** nói chung sẽ có một đời sống bất tận, sẽ tuần hoàn mãi trong lòng người đọc nhiều thế hệ**.**